

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 của Bộ Thông tin và

Truyền thông về việc hướng dẫn xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phương pháp tính chi phí;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1276/BTTTT-CĐSQG ngày 09/4/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về thực hiện các bước chuẩn bị đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 158/TTr-STTTT ngày 18/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện,

thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH QNam, Báo QNam;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KGVX (H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quang Bửu

QUY ĐỊNH

Về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức chính trị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện; Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị).

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động tư vấn, cung cấp dịch vụ, sản phẩm CNTT cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Chương II

DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án ứng dụng CNTT

Dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các quy định về quản lý chi phí, quản lý chất lượng tại Mục 2, Chương II, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (gọi tắt là Nghị định số 73/2019/NĐ-CP), chi tiết một số nội dung như sau:

1. Đối với Dự án thiết kế 01 bước (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật): thực hiện theo Điều 10, Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP:

a) Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; nội dung của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

b) Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

- Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh: đơn vị đầu mối thẩm định dự án là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện: đơn vị đầu mối thẩm định dự án là Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố.

- Đơn vị đầu mối thẩm định dự án (*Sở Kế hoạch và Đầu tư/Phòng Tài chính - Kế hoạch*) có trách nhiệm: gửi hồ sơ thiết kế chi tiết lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông (*trừ trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông đồng thời là chủ đầu tư*); lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm định dự án (*nếu cần*).

- Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế chi tiết đối với dự án do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư, trừ các dự án có thiết kế chi tiết thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Trong trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông đồng thời là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế chi tiết.

2. Đối với Dự án thiết kế 02 bước: (*Báo cáo nghiên cứu khả thi*)

a) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo Điều 16, Điều 19 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

b) Thẩm định, phê duyệt dự án

- Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh: đơn vị đầu mối thẩm định dự án là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện: đơn vị đầu mối thẩm định dự án là Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố.

- Đơn vị đầu mối thẩm định dự án (*Sở Kế hoạch và Đầu tư/Phòng Tài chính - Kế hoạch*) có trách nhiệm: gửi hồ sơ thiết kế cơ sở lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông (*trừ trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông đồng thời là chủ đầu tư*); lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm định dự án (*nếu cần*).

- Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư, trừ các dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Trong trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông đồng thời là chủ đầu tư,

Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở.

c) Về thẩm định và phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán

Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán theo Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP:

- Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và được phép thuê tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm thực hiện thẩm tra thiết kế chi tiết và dự toán để làm cơ sở thẩm định đối với các phần việc mà mình thực hiện, trừ trường hợp dự án thực hiện lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (dự án 01 bước).

- Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán, việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

Điều 4. Trường hợp dự án trong lĩnh vực khác có hạng mục ứng dụng CNTT (khoản 4 Điều 6 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP)

Trường hợp dự án trong lĩnh vực khác có hạng mục ứng dụng CNTT, việc quản lý chi phí, quản lý chất lượng hạng mục ứng dụng CNTT thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Đơn vị đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông về thiết kế cơ sở (đối với dự án 02 bước), thiết kế chi tiết (đối với dự án 01 bước) của hạng mục ứng dụng CNTT trong dự án.

Chương III

HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CNTT SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 5. Trình tự triển khai hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên

1. Xây dựng kế hoạch hằng năm

Trước tháng 10 hằng năm, các cơ quan, đơn vị căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, HĐND cấp huyện, Kế hoạch của UBND tỉnh, UBND cấp huyện về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số của địa phương; căn cứ chỉ đạo của Bộ, ngành cấp trên về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành; căn cứ thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin của ngành, địa phương; đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số gửi đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch chuyển đổi số hàng năm (*Sở Thông tin và Truyền thông đối với cấp tỉnh; Phòng Văn hóa Thông tin đối với cấp huyện*) để xem xét, tổng hợp vào Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm, báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt.

Nội dung đề xuất gồm: xác định mục tiêu, sự cần thiết, các thông tin chung (*căn cứ pháp lý; tên của hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; đơn vị, địa điểm, thời gian thực hiện; dự kiến kinh phí, quy mô, nội dung chính triển khai; hình thức thực hiện là mua sắm hoặc thuê dịch vụ; dự kiến hiệu quả đạt được; dự kiến đơn vị*

quản lý sử dụng, đơn vị vận hành hệ thống).

Đối với các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của cấp trên hoặc theo nhu cầu thực tế phát sinh, các cơ quan, đơn vị đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số, báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện thống nhất chủ trương, giao nhiệm vụ.

2. Lập đề cương và dự toán chi tiết/dự toán/kế hoạch thuê theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy định này.

3. Thẩm định, phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết/dự toán/kế hoạch thuê theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định này.

4. Lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

5. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định.

6. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.

7. Tổ chức thực hiện; nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

8. Quyết toán kinh phí theo quy định.

9. Tổ chức triển khai sử dụng, vận hành hệ thống và báo cáo kết quả triển khai về Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

Điều 6. Lập đề cương và dự toán chi tiết

1. Đối với các hoạt động ứng dụng CNTT có mức kinh phí trên 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu: thực hiện theo quy định tại Chương II của Quy định này.

2. Đối với các hoạt động ứng dụng CNTT có mức kinh phí trên 200 triệu đồng đến 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu: thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT); trong đó, chi tiết một số nội dung như sau:

- Cơ quan, đơn vị tự lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập đề cương và dự toán chi tiết, gửi lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu cần thiết) và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Chi phí lập đề cương và dự toán chi tiết được tính trong tổng mức dự toán của hoạt động ứng dụng CNTT. Trường hợp cơ quan, đơn vị không tự lập đề cương và dự toán chi tiết mà phải thuê tư vấn, căn cứ chủ trương, nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại khoản 1 Điều 5 Quy định này, ngân sách nhà nước cấp bổ sung kinh phí để thuê tư vấn lập đề cương và dự toán chi tiết trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định như một nhiệm vụ độc lập; chi phí này được tính trong tổng mức dự toán của hoạt động ứng dụng CNTT phê duyệt theo quy định với mức tối đa bằng dự toán cấp bổ sung và khi phân bổ dự toán thực hiện sẽ loại trừ chi phí này tương ứng. Trường hợp hoạt động ứng dụng CNTT không được cấp có thẩm quyền

phê duyệt chi phí lập đề cương và dự toán chi tiết trong tổng mức dự toán, cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí giao tự chủ trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện và thanh toán, quyết toán đối với các chi phí lập đề cương và dự toán chi tiết theo quy định đối với từng nguồn kinh phí.

- Về phương án cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ để duy trì, sử dụng hệ thống: thuyết minh đề cương nêu rõ nhu cầu về tài nguyên, thống nhất với đơn vị quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu của tỉnh về khả năng cấp tài nguyên phục vụ triển khai hệ thống.

- Đối với hoạt động ứng dụng CNTT có nội dung thực hiện mua sắm tài sản: thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định có liên quan.

- Nội dung đề cương và dự toán chi tiết phải có đề xuất cấp độ an toàn thông tin của hệ thống, thuyết minh yêu cầu của phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được đề xuất theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT, đảm bảo tỷ lệ chi phí cho an toàn thông tin trong tổng mức đầu tư thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết

1. Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết

Thẩm quyền phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết thực hiện theo thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 của HĐND tỉnh.

2. Thẩm định đề cương và dự toán chi tiết

a) Trình tự thẩm định, phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT.

b) Thẩm quyền thẩm định đề cương và dự toán chi tiết

- Người có thẩm quyền phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết thành lập hội đồng thẩm định hoặc giao cho đơn vị/phòng chuyên môn trực thuộc hoặc bộ phận (nếu không có đơn vị, phòng chuyên môn trực thuộc) làm đầu mối thẩm định (gọi chung là đơn vị đầu mối thẩm định).

- Đơn vị đầu mối thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định hoặc tham mưu người có thẩm quyền phê duyệt lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông về phương án kỹ thuật, công nghệ. Trường hợp Sở thông tin và Truyền thông là đơn vị sử dụng ngân sách, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định.

- Trong trường hợp xét thấy cần thiết, đơn vị đầu mối thẩm định được phép thuê (hoặc tham mưu người có thẩm quyền phê duyệt thuê) tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm thực hiện thẩm tra đề cương và dự toán chi tiết để làm cơ sở thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT. Kinh phí

thuê tư vấn thẩm tra được ngân sách nhà nước cấp bổ sung theo quy định như một nhiệm vụ độc lập.

- Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan, đơn vị đầu mối thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định theo Mẫu số 5 đính kèm Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT, trình phê duyệt theo thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Đối với các trường hợp hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP chỉ cần lập dự toán và có thuyết minh kèm theo, thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm hàng hóa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Hoạt động thuê dịch vụ CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Đối với hoạt động thuê dịch vụ CNTT sẵn có trên thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

2. Đối với hoạt động thuê dịch vụ CNTT không sẵn có trên thị trường (*theo yêu cầu riêng*):

- Trình tự thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 53, 54, 55, 56, 57, 58 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Nội dung Kế hoạch thuê phải có đề xuất cấp độ an toàn thông tin của hệ thống, thuyết minh yêu cầu của phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được đề xuất theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT.

- Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê thực hiện theo thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 23/01/2024 của HĐND tỉnh.

- Thẩm định kế hoạch thuê:

+ Cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc tiến hành thẩm định kế hoạch thuê trước khi phê duyệt (sau đây gọi là đơn vị đầu mối thẩm định).

+ Đơn vị đầu mối thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê lấy ý kiến của Sở thông tin và Truyền thông. Trường hợp Sở thông tin và Truyền thông là đơn vị sử dụng ngân sách, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định.

+ Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê yêu cầu đơn vị sử dụng ngân sách được giao nhiệm vụ thuê dịch vụ lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra một phần hoặc toàn bộ nội dung quy định tại khoản 3 Điều 56 Nghị định 73/2019/NĐ-CP. Kinh phí thuê tư vấn thẩm tra được ngân sách nhà nước cấp bổ sung theo quy định như một nhiệm vụ độc lập.

- Về dự toán thuê dịch vụ CNTT không có sẵn trên thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Riêng đối với chi phí thuê dịch vụ xác định chi phí thuê theo phương pháp tính chi phí, được quy định tại Thông tư số 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ công nghệ thông tin thuộc sở hữu của cơ quan, đơn vị thuê. Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, chuyển giao đầy đủ cho cơ quan, đơn vị thuê các thông tin, dữ liệu khi kết thúc hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Điều 9. Lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Quy định này hướng dẫn bổ sung một số nội dung sau:

1. Hằng năm vào thời điểm lập dự toán ngân sách năm sau, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền; căn cứ quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết, cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình; gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I, kèm theo các hồ sơ tài liệu, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để xem xét trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước quyết định phân bổ dự toán theo quy định.

2. Việc phân bổ, chấp hành dự toán thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước. Trong đó, việc lập, trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

3. Về quyết toán kinh phí

Các cơ quan, đơn vị tổng hợp quyết toán chung trong báo cáo quyết toán hằng năm theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017, Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp, Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm, các văn bản liên quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Báo cáo, theo dõi quản lý kết quả sản phẩm hoạt động ứng dụng CNTT

Sau khi nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hoặc hạng mục công việc của hoạt động ứng dụng CNTT, chủ đầu tư gửi Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo hoàn thành cùng danh mục hồ sơ hoàn thành sản phẩm hoặc hạng mục công việc để theo dõi, kiểm tra sản phẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 73/2019/NĐ-

CP. Hồ sơ gửi Sở Thông tin và Truyền thông gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án, quyết định phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán (đối với thiết kế 2 bước); hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế chi tiết và dự toán; hồ sơ điều chỉnh dự án, thiết kế (nếu có);

- Báo cáo kết quả kiểm thử hoặc vận hành chạy thử.

- Đặc tả cơ sở dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Tài liệu hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành, bảo trì (nếu có) đối với sản phẩm hoặc hạng mục công việc đã hoàn thành; tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án, hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và theo Quy định này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) chịu trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ quy định tại Nghị định 73/2019/NĐ-CP, các quy định của pháp luật liên quan đến đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

3. Trong quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc thì báo cáo bằng văn bản đến Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.